

Số: **310/2025/QĐST- HNGĐ**

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 261/2025/TLST - HNGĐ ngày 04/9/2025 giữa:

* *Nguyên đơn:* **Ông Nguyễn Hải T**, sinh năm 19xx

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Số nhà 01 ngõ 361 đường N phố V, phường H, tỉnh N.

* *Bị đơn:* **Bà Nguyễn Thị Bích H**, sinh năm 19xx

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: P805- B11C N, phường Y, thành phố H.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyền số 01, ngày 24/01/19xx tại UBND phường Đ, thị xã N, tỉnh H (nay là phường H, tỉnh N).

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Nguyễn Hải T và bà Nguyễn Thị Bích H

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Ông bà có 01 con chung là Nguyễn Thị Sao M (nữ), sinh ngày 19/12/19xx. Chị Nguyễn Thị Sao M đã trưởng thành và khỏe mạnh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

- *Về tài sản chung, nhà ở*: Ông bà tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về nợ chung*: Không có.

- *Về án phí*: Ông Nguyễn Hải T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát ND Khu vực 4- Hà Nội
- Phòng THA dân sự Khu vực 4 – Hà Nội;
- UBND phường H, tỉnh N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Dương Thị Thu P